

Điểm chuẩn trường Đại học Ngoại Ngữ - Tin Học TPHCM năm 2018

Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh là một trường đại học tư thục tại thành phố Hồ Chí Minh. Trường xuất phát điểm từ trường đại học dân lập, được thành lập ngày 26 tháng 10 năm 1994.

Tên trường: Đại học Ngoại Ngữ - Tin Học TPHCM

Mã ngành: DNT

Địa chỉ: Phường 12, Quận 10, Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3868 1477

Điểm chuẩn trường Đại học Ngoại Ngữ - Tin Học TPHCM năm 2018 như sau:

BẮM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-ngoai-ngu-tin-hoc-tphcm>

Tham khảo điểm chuẩn những năm trước:

Dữ liệu điểm chuẩn năm 2017 như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D14, D15	22.25	
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01, D01, D04, D14	21	
3	7310206	Quan hệ quốc tế	A01, D01, D07, D14	20.5	
4	7310608	Đông phương học	D01, D06, D14, D15	21.5	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	A01, D01, D07, D11	19.75	
6	7340120	Kinh doanh quốc tế	A01, D01, D07, D11	21.25	
7	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A01, D01, D07, D11	18	
8	7340301	Kế toán	A01, D01, D07, D11	18.5	
9	7380107	Luật kinh tế	A01, D01, D07, D14	17.5	
10	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, D01, D07	19.5	
11	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A01, D01, D14, D15	20.5	
12	7810201	Quản trị khách sạn	A01, D01, D14, D15	20.75	

Năm 2016 thông báo điểm chuẩn như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
-----	----------	-----------	------------	------------	---------

1	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D01; D07	15	
2	7380107	Luật kinh tế	A01; D01; D07; D14	15	
3	7340301	Kế toán	A01; D01; D07; D11	18	
4	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A01; D01; D07; D11	18	
5	7340120	Kinh doanh quốc tế	A01; D01; D07; D11	18	
6	7340107	Quản trị khách sạn	A01; D01; D14; D15	18	
7	7340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A01; D01; D14; D15	18	
8	7340101	Quản trị kinh doanh	A01; D01; D07; D11	18	
9	7310206	Quan hệ quốc tế	A01; D01; D07; D14	18	
10	7220213	Đông phương học	D01; D06; D14; D15	15	
11	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01; D14	---	
12	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01; D04	15	
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01; D01; D14; D15	18	
14	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D01; D07	15	
15	7380107	Luật kinh tế	A01; D01; D07; D14	15	
16	7340301	Kế toán	A01; D01; D07; D11	18	
17	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A01; D01; D07; D11	18	
18	7340120	Kinh doanh quốc tế	A01; D01; D07; D11	18	
19	7340107	Quản trị khách sạn	A01; D01; D14; D15	18	
20	7340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A01; D01; D14; D15	18	
21	7340101	Quản trị kinh doanh	A01; D01; D07; D11	18	
22	7310206	Quan hệ quốc tế	A01; D01; D07; D14	18	
23	7220213	Đông phương học	D01; D06; D14; D15	15	
24	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01; D14	---	
25	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01; D04	15	
26	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01; D01; D14; D15	18	

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 của trường như sau:

STT	Ngành học	Mã	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	430	180	A01	N1	D01	N1	D14	N1	D15	N1

1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	30	10	A01		D01		D04		D14	
1.3	Quan hệ quốc tế	7310206	170	70	A01	N1	D01	N1	D07	N1	D14	N1
1.4	Đông phương học	7310608	190	80	D01		D06		D14		D15	
1.5	Quản trị kinh doanh	7340101	210	90	A01	N1	D01	N1	D07	N1	D11	N1
1.6	Kinh doanh quốc tế	7340120	140	60	A01	N1	D01	N1	D07	N1	D11	N1
1.7	Tài chính – Ngân hàng	7340201	70	30	A01		D01		D07		D11	
1.8	Kế toán	7340301	70	30	A01		D01		D07		D11	
1.9	Luật kinh tế	7380107	105	45	A01		D01		D07		D14	
1.10	Công nghệ thông tin	7480201	240	100	A00		A01		D01		D07	
1.11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	70	30	A01		D01		D14		D15	
1.12	Quản trị khách sạn	7810201	105	45	A01		D01		D14		D15	
			Tổng:	1.830	770							